

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 19-6-2018.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Giang San.
2. Ông Phạm Đức Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Ngọc Nam, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 06 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 238/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Minh T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: số 691/16, ấp 5, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. “Có mặt”

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc Lan**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 15, tổ 1, khu 14, xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 03 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn-anh Trần Minh T trình bày:

Anh và chị Lan chung sống với nhau năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Đức trên cơ sở tự nguyện. Sau khi chung sống thì vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, sau 10 năm chung sống thì anh chị vẫn không có con. Từ đó vợ chồng hay mâu thuẫn cãi vã. Đến năm 2017, anh chị phát sinh mâu thuẫn gay gắt nên không chung sống với nhau nữa, chị Lan bỏ về nhà mẹ ruột ở. Từ đó

đến nay, hai bên không liên lạc với nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Ngọc Lan.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

* Trong bản tự khai đề ngày 17 tháng 05 năm 2018, bị đơn- chị Nguyễn Thị Ngọc Lan trình bày:

Chị Lan và anh Trần Minh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian ly thân hai bên không liên lạc đoàn tụ. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị Lan đồng ý.

Con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn-anh Trần Minh T. Con chung, tài sản chung, nợ chung các đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn- chị Nguyễn Thị Ngọc Lan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn-chị Lan.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị Lan tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 01 ngày 27 tháng 07 năm 2005) nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Lan là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào chứng cứ thu thập được thể hiện tại hồ sơ thì anh T và chị Lan trong quá trình chung sống có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân chính là anh chị chung sống với nhau lâu nhưng không có con. Từ đó phát sinh bất đồng quan điểm, tính tình không hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không có biện pháp hàn gắn đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh T và chị Lan là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Mặc khác, anh T yêu cầu ly hôn, chị Lan cũng đồng ý nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị Lan là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị Lan khai không có nên không xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn của anh T được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn-anh Trần Minh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Minh T được ly hôn chị Trần Thị Ngọc Lan.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị Lan khai không có nên không xét.

2. Về án phí: Anh Trần Minh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 002096 ngày 09/04/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. (Anh T đã nộp đủ án phí)

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trí Hoàng